

Số: **45** /2022/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **13** tháng **12** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Thực hiện Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố tại văn bản số **1538**/TTr-TTTP-PCTN ngày **09** tháng **11** năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm; kiểm soát tài sản, thu nhập; xử lý vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập và trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương tại thành phố Hà Nội.

Các cơ quan, đơn vị có tổ chức, bộ máy được quản lý tập trung thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo ngành dọc (như: Công an, Quân đội, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thuế, Kho bạc, Hải quan, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội, Thi hành án Dân sự) thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật và quy định của hệ thống tổ chức ngành dọc.

Các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của hệ thống chính quyền địa phương tại thành phố Hà Nội, bao gồm: Cán bộ, công chức; Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Thanh tra Thành phố là cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập của những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của hệ thống chính quyền tại thành phố Hà Nội (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Ủy ban kiểm tra Trung ương, Ủy ban kiểm tra Thành ủy, Ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy, thị ủy và các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị ngành dọc).

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc kê khai, công khai bản kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập, xử lý vi phạm các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 3. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập

1. Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu:

Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

2. Kê khai hằng năm được thực hiện đối với:

a) Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên;

b) Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Việc kê khai hằng năm phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

3. Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp thực hiện kê khai theo Khoản 2 Điều này.

Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.

4. Kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện đối với những trường hợp sau:

a) Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm

nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

b) Người có nghĩa vụ kê khai là người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân; thời điểm kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.

Điều 4. Tài sản, thu nhập phải kê khai

1. Tài sản, thu nhập phải kê khai được quy định tại Khoản 1, Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản, thu nhập thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi chưa thành niên theo quy định của pháp luật tại thời điểm hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập.

Điều 5. Tổ chức việc kê khai và tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ phải kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập theo Khoản 1, Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ phải kê khai giao bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ chủ trì phối hợp với bộ phận thực hiện công tác thanh tra (nếu có) thực hiện:

Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, kê khai bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý hệ thống chính quyền địa phương tại đơn vị mình, trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt, hoàn thành trước ngày 01 tháng 12 (trong đó phân rõ từng loại đối tượng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí Thư, Ban thường vụ Thành ủy quản lý, Ban Thường vụ quận/huyện/thị ủy quản lý và các đối tượng còn lại); gửi 01 bản cho Thanh tra Thành phố.

Hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.

Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai, trong đó có các nội dung: họ và tên người kê khai, chức vụ, vị trí công tác, đơn vị công tác, phương thức kê khai, số bản kê khai, số trang bản kê khai, ngày tiếp nhận bản kê khai tại đơn vị, ký giao nhận bản kê khai.

b) Người có nghĩa vụ kê khai phải lập 02 bản kê khai nộp cho bộ phận phụ trách công tác tổ chức cán bộ.

2. Tiếp nhận, bàn giao, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập:

a) Bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ có trách nhiệm tiếp nhận 02 bản kê khai, trong đó 01 bản để bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai.

Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm bàn giao 01 bản kê khai cho Thanh tra Thành phố (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập của Ủy ban kiểm tra Trung ương, Ủy ban kiểm tra Thành ủy, Ủy ban kiểm tra quận ủy, huyện ủy, thị ủy và các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị ngành dọc).

3. Trình tự, thủ tục kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử và quy định của Hội đồng bầu cử.

Điều 6. Công khai bản kê khai

1. Việc công khai bản kê khai được thực hiện như sau:

a) Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.

b) Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

c) Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử.

d) Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

đ) Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Thời gian, hình thức và việc tổ chức công khai bản kê khai quy định tại các khoản a, b và đ Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng; Điều 11, 12, 13 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 7. Theo dõi biến động tài sản, thu nhập

Thanh tra Thành phố thực hiện theo dõi biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương tại thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 2, Điều 30 và Điều 40 Luật Phòng, chống tham nhũng và Khoản 7, Điều 3 Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ

Chính trị ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

Trường hợp phát hiện tài sản, thu nhập có biến động từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai không kê khai thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có văn bản yêu cầu người đó cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan; trường hợp tài sản, thu nhập có biến động thì phải giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng/giảm đó.

Điều 8. Xác minh tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Thành phố thực hiện xác minh, tài sản, thu nhập khi có một trong các căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Việc xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch xác minh hàng năm được quy định theo Điều 14, 15, 16 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

3. Phối hợp trong kiểm soát tài sản, thu nhập:

Trong trường hợp cần thiết, Thanh tra Thành phố đề nghị Ủy ban kiểm tra Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, thanh tra quận, huyện, thị xã, thanh tra sở, cơ quan cấp tỉnh của các tổ chức chính trị xã hội cử người tham gia tổ xác minh tài sản, thu nhập.

Thanh tra Thành phố cử người tham gia tổ xác minh tài sản, thu nhập theo đề nghị của Ủy ban kiểm tra Thành ủy.

Tùy theo yêu cầu công tác, Thanh tra Thành phố phối hợp với các cơ quan kiểm soát khác trong nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, tham mưu hoặc thực hiện các nhiệm vụ do Thành ủy, UBND Thành phố giao liên quan đến kiểm soát tài sản, thu nhập.

4. Nội dung xác minh thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

5. Quy trình xác minh tài sản, thu nhập:

a) Chánh Thanh tra Thành phố ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập và thành lập Tổ xác minh tài sản, thu nhập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 hoặc 15 ngày kể từ ngày có căn cứ xác minh quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Nội dung Quyết định xác minh tài sản, thu nhập được ban hành theo Khoản 2, Điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Quyết định xác minh tài sản, thu nhập được gửi cho Tổ trưởng và thành viên Tổ xác minh tài sản, thu nhập, người được xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xác minh.

b) Việc yêu cầu, kiến nghị yêu cầu, thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 và Điều 46 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

c) Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh, Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập phải báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bằng văn bản cho người ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày. Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập có nội dung theo Khoản 2, Điều 48 Luật Phòng, chống tham nhũng.

d) Kết luận xác minh tài sản, thu nhập

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày.

Nội dung Kết luận xác minh tài sản, thu nhập có nội dung theo Khoản 2, Điều 49 Luật Phòng, chống tham nhũng.

e) Gửi và công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập

Kết luận xác minh tài sản, thu nhập phải được gửi cho người được xác minh và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân yêu cầu, kiến nghị xác minh quy định tại Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập có trách nhiệm công khai Kết luận xác minh.

Việc công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện như việc công khai bản kê khai quy định tại Điều 39 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

Thanh tra Thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 31 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Tổ xác minh tài sản, thu nhập có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 46 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của người được xác minh và trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan

Người được xác minh tài sản, thu nhập có quyền và nghĩa vụ theo Điều 47 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 7 Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị ban hành quy chế phối hợp giữa các

cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Người được xác minh tài sản, thu nhập có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản và cam kết về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng trong bản kê khai tài sản, thu nhập của mình với tổ xác minh tài sản, thu nhập và cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; đồng thời gửi cho Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức của cấp ủy có thẩm quyền quản lý theo quy định của Đảng về phân cấp quản lý cán bộ.

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 32 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Điều 11. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kê khai, công khai, xác minh, quản lý Bản kê khai

1. Lập, phê duyệt Danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

2. Chỉ đạo, tổ chức việc kê khai, công khai, hướng dẫn, đôn đốc kê khai, công khai và bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập kịp thời, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ và Quyết định này.

3. Chỉ đạo, tổ chức việc quản lý, sử dụng, khai thác Bản kê khai theo quy định nhằm phát hiện vi phạm, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xác minh tài sản, thu nhập, xử lý người vi phạm theo đúng quy định Luật phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ và Quyết định này.

4. Chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định về tổ chức kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của mình; báo cáo kết quả kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

Điều 12. Xử lý vi phạm các quy định về kê khai và các hành vi khác trong kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Xử lý vi phạm đối với người kê khai và xử lý các hành vi khác trong kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

3. Việc công khai quyết định xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 13. Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

Việc khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật Phòng, chống tham nhũng, Điều 19 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của mình theo yêu cầu của Ban thường vụ cấp ủy các cấp thuộc Thành phố, Thường trực HĐND và Chủ tịch UBND các cấp thuộc Thành phố để phục vụ công tác cán bộ.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Cấp Thành phố:

a) Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, các doanh nghiệp Nhà nước và các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập, xử lý vi phạm về kê khai tài sản, thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của mình; gửi báo cáo kết quả về Thanh tra Thành phố.

b) Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Thành ủy tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc thẩm quyền kiểm soát của Ủy ban kiểm tra Thành ủy, Ủy ban kiểm tra quận/huyện/thị ủy, gửi số liệu về Thanh tra Thành phố để tổng hợp chung.

c) Thanh tra Thành phố dự thảo văn bản triển khai công tác kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm trình Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt trước 15/11 hàng năm; ban hành kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm trước 31/01 hàng năm sau khi trình Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt nội dung kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai, công khai trong phạm vi hệ thống chính quyền địa phương tại thành phố Hà Nội; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị; tổng hợp kết quả kê khai, công khai bản kê khai của toàn Thành phố theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

d) Thanh tra sở, ngành, cơ quan trực thuộc Thành phố của các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm phối hợp, cử người tham gia tổ xác minh tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của Thanh tra Thành phố.

2. Cấp huyện:

a) Hội đồng nhân dân, Ủy Ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản thu nhập, công khai, kết luận và xử lý vi phạm về kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của mình (trong đó phân rõ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, đối tượng thuộc diện BTV quận, huyện, thị ủy quản lý và các đối tượng còn lại)

b) Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm:

Phối hợp với bộ phận phụ trách tổ chức cán bộ tổng hợp kết quả kê khai, công khai bản kê khai, kết quả xử lý vi phạm về kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi hệ thống chính quyền cấp huyện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi báo cáo về Thanh tra Thành phố.

Cử người tham gia tổ xác minh tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của Thanh tra Thành phố.

3. Các cơ quan tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan ngành dọc nộp báo cáo kiểm soát tài sản thu nhập của đơn vị mình về cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

Điều 15. Nội dung, thời gian báo cáo kết quả kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Nội dung báo cáo về công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập hàng năm bao gồm: tình hình chỉ đạo, triển khai, tổ chức và kết quả thực hiện việc kê khai, công khai, xử lý vi phạm (nếu có), khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý hoặc theo chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian báo cáo do Thanh tra Thành phố thông báo, hướng dẫn trên cơ sở yêu cầu của Thanh tra Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền.

Thời gian tính nhận báo cáo là ngày ghi trên dấu bưu điện đến hoặc ngày nhận được qua hệ thống văn bản điện tử, đồng thời gửi báo cáo (bản scan hoặc văn bản điện tử có chữ ký số) qua email công vụ: pctn_ttpt@hanoi.gov.vn.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (qua Thanh tra Thành phố) để được hướng dẫn.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ~~23~~ tháng ~~12~~ năm 2022.

Quyết định này thay thế Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Chánh Thanh tra Thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị trực thuộc Thành phố, các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp có đại diện vốn Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 16;
- Thủ tướng Chính phủ;
- BCD Trung ương về PCTN;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL); (đề b/c)
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- VP UBND Thành phố: CVP, các PCVP, các phòng: NC, HCTC, TH;
- Trung tâm Báo chí Thủ đô Hà Nội;
- Trung tâm Tin học – Công báo Thành phố;
- Lưu: VT, NC.

55248 / 13

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Sỹ Thanh

